**PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM**

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**1. Nhận biết**

**Câu 1.** Tài nguyên thiên nhiên nổi bật của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

**A.** thủy sản. **B.** du lịch biển

**C.** dầu mỏ và khí đốt. **D.** đất đỏ ba dan.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

**A.** Hội tụ được khá nhiều thế mạnh. **B.** Có tỉ trọng lớn trong GDP của cả nước.

**C.** Đã được hình thành từ rất lâu đời. **D.** Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

**A.** Nguồn lao động dồi dào, sớm tiếp cận kinh tế thị trường.

**B.** Được bổ sung nguồn nguyên liệu dồi dào ở các vùng khác.

**C.** Tài nguyên tự nhiên nổi trội hàng đầu là các mỏ dầu khí.

**D.** Các thế mạnh của vùng khai thác chưa đạt hiệu quả cao.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây không đúng về thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nước ta?

**A.** Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất. **B.** Chất lượng lao động vào loại hàng đầu.

**C.** Có trình độ phát triển kinh tế cao nhất. **D.** Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây đúng với vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

**A.** Ranh giới cố định theo thời gian. **B.** Đã được hình thành từ rất lâu đời.

**C.** Có cơ cấu kinh tế không thay đổi. **D.** Hội tụ tương đối đầy đủ các thế mạnh.

**Câu 6. Vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta?**

**A.** Bắc Bộ. **B.** Miền Trung.

**C.** Phía Nam. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?

**A.** Có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta. **B.** Có trữ lượng dầu khí đứng đầu cả nước.

**C.** Phạm vi của vùng thay đổi theo thời gian. **D.** Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.

**Câu 8.** Đặc điểm nào sau đây không đúng với các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

**A.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật được ưu tiên đầu tư.

**B.** Có đóng góp quan trọng vào quy mô GDP và tăng trưởng.

**C.** Diện tích không thay đổi, sản xuất tự động hóa toàn bộ.

**D.** Thu hút đầu tư lớn, làm nền tảng thúc đẩy kinh tế cả nước.

**Câu 9. Vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây có diện tích tự nhiên và dân số lớn nhất?**

**A.** Bắc Bộ. **B.** Miền Trung.

**C.** Phía Nam. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10.** Các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** lúa gạo và thuỷ sản. **B.** thuỷ sản và khoáng sản.

**C.** khoáng sản và dệt may. **D.** hàng điện tử và giày dép.

**Câu 11. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?**

**A.** Tập trung trữ lượng dầu khí lớn nhất cả nước. **B.** Có vùng biển rộng lớn và có ngư trường lớn.

**C.** Khí hậu, đất trồng thích hợp cho cây lâu năm. **D.** Khoáng sản có than đá, than nâu và cao lanh.

**Câu 12.** Các sân bay nào sau đây thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

**A.** Nội Bài, Đà Nẵng, Chu Lai. **B.** Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai.

**C.** Cát Bi, Phú Quốc, Cam Ranh. **D.** Đà Nẵng, Phú Bài, Tân Sơn Nhất.

**Câu 13.** Vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây có đóng góp lớn nhất vào GDP của nước ta?

**A.** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. **B.** Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**C.** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. **D.** Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 14.** Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm hàng đầu cả nước về

**A.** diện tích và sản lượng lúa, khai thác và chế biến thuỷ sản.

**B.** khai thác và chế biến thuỷ sản, sản xuất hàng điện tử, ô tô.

**C.** sản xuất sản phẩm điện tử, chế biến thực phẩm và đồ uống.

**D.** chế biến thực phẩm và đồ uống, khai thác, chế biến dầu khí.

**Câu 15.** Phát biểu nào không phải đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

**A.** Tỉ trọng GDP so với cả nước thấp nhất. **B.** Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển.

**C.** Tỉ trọng nông nghiệp trong GDP còn cao. **D.** Có diện tích lớn nhất so với các vùng khác.

**Câu 16.** Các tuyến giao thông huyết mạch gắn kết vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với cụm cảng Hải Phòng - Cái Lân là

**A.** quốc lộ 22 và 51. **B.** quốc lộ 13 và 14.

**C.** quốc lộ 5 và 18. **D.** quốc lộ 15 và 18.

**Câu 17.** Vùng kinh tế trọng điểm được thành lập năm 2009 là

**A.** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. **B.** Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**C.** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. **D.** Vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 18.** Vùng kinh tế trọng điểm phát triển nhất nước ta là

**A.** vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. **B.** vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**C.** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. **D.** vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long.

**2. Thông hiểu**

**Câu 1. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long?**

**A.** Tỉ lệ GRDP vùng so với cả nước nhỏ hơn các vùng trọng điểm khác.

**B.** Trị giá xuất khẩu vùng so với cả nước nhỏ hơn nhiều các vùng khác.

**C.** Tỉ lệ giá trị sản xuất công nghiệp vùng so với cả nước đang còn thấp.

**D.** Tỉ lệ công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GRDP vùng là cao nhất.

**Câu 2. So với các vùng kinh tế trọng điểm khác trong nước, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có**

**A.** diện tích lớn nhất, dân số đông nhất. **B.** tài nguyên than đá phong phú nhất.

**C.** lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất. **D.** thế mạnh hàng đầu về nông nghiệp.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây khôngđúng với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

**A.** Sẽ hình thành các ngành công nghiệp có lợi thế về tài nguyên và thị trường.

**B.** Đã phát triển mạnh nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao.

**C.** Nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa các vùng Bắc Bộ và phía nam của đất nước.

**D.** Thế mạnh hàng đầu là khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản, rừng.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây không đúng với Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?

**A.** Các ngành công nghiệp phát triển sớm, nhiều ngành có ý nghĩa toàn quốc.

**B.** Mạng lưới cơ sở hạ tầng khá đồng bộ, có nhiều đầu mối giao lưu quan trọng.

**C.** Nguồn lao động có số lượng lớn, chất lượng vào loại hàng đầu của cả nước.

**D.** Thế mạnh đứng đầu về khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản, rừng.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?

**A.** Có Hà Nội là thủ đô, trung tâm chính trị, văn hóa lớn nhất.

**B.** Tiềm năng nổi bật của vùng là lao động đông, chất lượng cao.

**C.** Các ngành dịch vụ, du lịch có nhiều điều kiện để phát triển.

**D.** Tài nguyên thiên nhiên nổi trội hàng đầu là các mỏ dầu khí.

**Câu 6. Phát biểu nào sau đây không đúng về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?**

**A.** Tiếp giáp với vùng biển có nhiều thế mạnh phát triển kinh tế.

**B.** Gần với các vùng giàu nguyên liệu từ nông nghiệp, thuỷ sản.

**C.** Quy mô dân số lớn, nguồn lao động dồi dào và có chất lượng.

**D.** Tập trung nguồn tài nguyên khoáng sản rất đa dạng và giàu có.

**Câu 7.** Hướng phát triển công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam không phải là

**A.** tập trung đầu tư vào các ngành công nghệ cao.

**B.** phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**C.** hạn chế hình thành khu công nghiệp tập trung.

**D.** phát triển các ngành công nghiệp cơ bản.

**Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?**

**A.** Lịch sử khai thác lâu đời với nền văn minh lúa nước.

**B.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, có chất lượng.

**C.** Tập trung tiềm lực kinh tế mạnh nhất, phát triển cao.

**D.** Nhiều khu công nghiệp tập trung, thu hút đầu tư lớn.

**Câu 9.** Điểm tương đồng về thế mạnh của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

**A.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, vị trí địa lí thuận lợi.

**B.** nguồn lao động khai thác lãnh thổ lâu đời, vị trí địa lí thuận lợi.

**C.** cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt và đồng bộ.

**D.** tài nguyên thiên nhiên nổi trội là các mỏ dầu khí ở thềm lục địa.

**Câu 10. Nguồn lực của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ không phải là**

**A.** bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh; đất ba dan màu mỡ, diện tích rộng lớn.

**B.** vùng biển có khả năng xây dựng cảng nước sâu, phát triển các dịch vụ.

**C.** một số khoáng sản quan trọng như: than đá, than nâu, đá vôi, cao lanh.

**D.** nhiều tài nguyên du lịch, nhiều đảo, bãi biển, các danh thắng nổi tiếng.

**Câu 11.** So với các vùng kinh tế trọng điểm khác của nước ta, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có

**A.** lịch sử phát triển lâu đời nhất. **B.** trình độ phát triển kinh tế cao nhất.

**C.** nền kinh tế thị trường phát triển sớm nhất. **D.** sức hút đầu tư nước ngoài lớn nhất.

**Câu 12.** So với các vùng kinh tế trọng điểm khác, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có

**A.** trình độ phát triển kinh tế cao nhất. **B.** diện tích nhỏ nhất.

**C.** lịch sử phát triển lâu đời nhất. **D.** nhiều trung tâm công nghiệp nhất.

**Câu 13.** Thế mạnh nổi bật nhất của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là

**A.** khai thác khoáng sản và tài nguyên biển.

**B.** khai thác lâm sản và thủy điện.

**C.** khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản và rừng.

**D.** phát triển các khu công nghiệp tập trung.

**Câu 14.** Tỉnh Long An thuộc đồng bằng sông Cửu Long gia nhập vùng kinh tế trọng điểm phía Nam do nguyên nhân tự nhiên nào sau đây?

**A.** Có vị trí gần vùng Đông Nam Bộ. **B.** Có diện tích mặt nước lớn.

**C.** Có diện tích đất phèn, đất mặn nhỏ. **D.** Có vị trí giáp biển.

**Câu 15.** Vùng kinh tế trọng điểm **không** có đặc trưng nào sau đây?

**A.** Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố. **B.** Có tỉ trọng lớn trong GDP.

**C.** Ranh giới không thay đổi. **D.** Hấp dẫn các nhà đầu tư.

**Câu 16. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?**

**A.** Có thế mạnh nổi bật về khai thác tổng hợp tài nguyên biển, mới hình thành.

**B.** Nguồn lao động số lượng lớn, chất lượng cao vào loại hàng đầu của cả nước.

**C.** Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm, nhiều ngành có ý nghĩa toàn quốc.

**D.** Có nhiều thế mạnh tại chỗ về du lịch và dịch vụ, lợi thế về thị trường tiêu thụ.

**3. Vận dụng**

**Câu 1.** Vấn đề không cần giải quyết liên quan đến công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

**A.** Hạn chế nhập cư lực lượng lao động.

**B.** hình thành khu công nghiệp tập trung.

**C.** đẩy mạnh ngành công nghiệp mũi nhọn.

**D.** tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh.

**Câu 2.** Một trong những định hướng của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển

**A.** công nghiệp công nghệ cao, thủy điện, dịch vụ công nghệ cao.

**B.** dịch vụ cảng biển, điện nguyên tử, lắp ráp ô tô; hoá lọc dầu.

**C.** thủy điện, điện tử, kinh tế biển, kinh tế số, tài chính ngân hàng.

**D.** nông nghiệp hiện đại, hữu cơ, hiệu quả, công nghệ về giống.

**Câu 3.** Định hướng chính trong phát triển ngành nông nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

**A.** phát triển các vùng chuyên sản xuất hàng hóa nông nghiệp, thủy sản.

**B.** củng cố và đẩy mạnh hơn nữa mô hình kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp.

**C.** chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng cao.

**D.** đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản kết hợp với phát triển công nghiệp chế biến.

**Câu 4.** Ba cực phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

**A.** Hà Nội - Hải Phòng - Hải Dương. **B.** Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

**C.** Vĩnh Phúc - Quảng Ninh - Hải Phòng. **D.** Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh.

**Câu 5. Một trong những định hướng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là phát triển**

**A.** công nghiệp công nghệ cao, phụ trợ, dịch vụ công nghệ cao.

**B.** dịch vụ cảng biển, du lịch sinh thái, lắp ráp ô tô; hoá lọc dầu.

**C.** công nghiệp điện, điện tử, hóa lọc dầu, kinh tế số, tài chính.

**D.** nông nghiệp xanh hiện đại, hữu cơ, hiệu quả, điện nguyên tử.

**Câu 6.** Nơi tập trung số lượng các khu công nghiệp lớn và thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất của cả nước là

**A.** vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**B.** vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**C.** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

**D.** vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 7.** Ba cực tạo thành tam giác tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

**A.** Thành phố Hồ Chí Minh; Đồng Nai; Bà Rịa - Vũng Tàu.

**B.** Thành phố Hồ Chí Minh; Tây Ninh; Bà Rịa - Vũng Tàu.

**C.** Thành phố Hồ Chí Minh; Đồng Nai; Tây Ninh.

**D.** Thành phố Hồ Chí Minh; Đồng Nai; Bình Phước.

**Câu 8.** Tiềm năng nổi bật nhất của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

**A.** có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta. **B.** có nền văn minh lúa nước lâu đời.

**C.** lao động có chất lượng hàng đầu cả nước. **D.** ngành công nghiệp phát triển rất sớm.

**Câu 9.** Điểm khác biệt của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ so với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

**A.** thế mạnh hàng đầu là các mỏ dầu và khí.

**B.** có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời hơn.

**D.** tiềm lực kinh tế mạnh và trình độ phát triển cao hơn.

**D.** cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật đồng bộ hơn.

**Câu 10.** Vị trí các vùng kinh tế trọng điểm nước ta tiếp giáp với biển không tạo ra thuận lợi nào sau đây?

**A.** Thu hút đầu tư nước ngoài. **B.** Xử lí chất thải trong sản xuất.

**C.** Phát triển ngoại thương. **D.** Phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**Câu 11.** Đâu không phải là nguyên nhân để nước ta phải hình thành các vùng kinh tế trọng điểm ?

**A.** Tạo động lực cho phát triển kinh tế cả nước.

**B.** Tập trung tiềm lực kinh tế và hấp dẫn đầu tư.

**C.** Tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước.

**D.** Vùng kinh tế trọng điểm tự phát triển riêng.

**Câu 12.** Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của vùng chủ yếu là do

**A.** hậu quả chiến tranh. **B.** thiếu vốn đầu tư.

**C.** dân cư thưa thớt. **D.** vị trí địa lí không thuận lợi.

**Câu 13.** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển mạnh là do có

**A.** vị trí địa lí và nguồn lao động dồi dào.

**B.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, cơ sở vật chất hiện đại.

**C.** giàu tài nguyên thiên nhiên, dễ khai thác.

**D.** nguồn lao động chất lượng và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

**A.** Gồm nhiều tỉnh, thành phố và ranh giới có thể thay đổi.

**B.** Hội tụ nhiều thế mạnh, tiềm lực hấp dẫn thu hút đầu tư.

**C.** Có tỉ trọng lớn trong GDP, hỗ trợ vùng khác phát triển.

**D.** Có chất lượng cuộc sống cao, tỉ lệ thất nghiệp rất thấp.

**II. DẠNG ĐÚNG/SAI**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Các vùng kinh tế trọng điểm gồm nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có ranh giới cụ thể và có thể thay đổi tuỳ theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng thời kì của đất nước.

 **a)** Hiện tại nước ta đã hình thành được 4 vùng kinh tế trọng điểm.

 **b)** Nước ta phải hình thành các vùng kinh tế trọng điểm do đây là động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

 **c)** Khó khăn chủ yếu đối với việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta hiện nay là thiếu không gian và thiếu nguồn lao động.

 **d)** Các vùng kinh tế trọng điểm được phát triển như là đầu tàu của nền kinh tế chung, thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các địa phương.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là cửa ngõ ra biển của các tỉnh Bắc Bộ. Vùng có hai hành lang và một vành đai kinh tế (trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc) đi qua; có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - công nghệ của cả nước.

 **a)** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ bao gồm 5 tỉnh và 2 thành phố trực thuộc trung ương.

 **b)** Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

 **c)** Các ngành sản xuất chủ yếu ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là các ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

 **d)** Một trong những khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là dân cư tập trung đông gây sức ép giải quyết việc làm.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP phân theo ngành kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ,**

**năm 2010 và 2021** *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | 6,5 | 3,9 |
| Công nghiệp và xây dựng | 29,4 | 42,3 |
| Dịch vụ | 50,1 | 43,8 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 14,0 | 10,0 |

**a)** Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**b)** So với năm 2010, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng năm 2021 có xu hướng tăng chiếm cao nhất trong cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**c)** Năm 2010 và 2021, tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản luôn chiếm nhỏ nhất trong cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ năm 2010 và 2021.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có số dân đông, nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất cả nước. Đây là vùng có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, có tài nguyên du lịch văn hoá đa dạng với nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của thế giới (Hoàng thành Thăng Long, dân ca Quan họ Bắc Ninh,...). Cơ sở hạ tầng được đầu tư và phát triển đồng bộ, hiện đại bậc nhất cả nước với nhiều tuyến cao tốc, cảng hàng không quốc tế (Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn), cảng biển (Hải Phòng, Quảng Ninh),....

 **a)** Nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là lao động có trình độ, cơ sở hạ tầng hiện đại.

 **b)** Lực lượng lao động đông, có trình độ cao là điều kiện thuận lợi cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển mạnh các ngành công nghệ cao.

 **c)** Đẩy mạnh phát triển các sân bay quốc tế, cảng biển lớn giúp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giải quyết triệt để vấn đề việc làm, nâng cao mức sống.

 **d)** Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế chủ yếu do sản xuất phát triển, quá trình đô thị hóa nhanh, mức sống được nâng cao.

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

Để thúc đẩy sự phát triển chung của cả nước cũng như tạo mối liên kết và phối hợp trong phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã lựa chọn một số tỉnh/ thành phố để hình thành nên vùng kinh tế trọng điểm quốc gia có khả năng đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với tốc độ cao và bền vững, tạo điều kiện nâng cao mức sống của toàn dân và nhanh chóng đạt được sự công bằng xã hội trong cả nước. Việc hình thành các vùng kinh tế trọng điểm là nhằm đáp ứng những nhu cầu của thực tiễn nói chung và đỏi hỏi của nền kinh tế nước ta nói riêng.

**a)** Hiện nay Việt Nam có 4 vùng kinh tế trọng điểm.

**b)** Các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta có thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội giống nhau.

**c)** Vùng kinh tế trọng điểm được hình thành muộn nhất là Đồng bằng sông Cửu Long.

**d)** Việc hình thành vùng kinh tế trọng điểm là phù hợp với điều kiện phát triển, nguồn vốn đầu tư và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

 Các ngành công nghiệp chủ đạo của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là sản xuất sản phẩm điện tử, tin học, chế tạo ô tô; sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống; dệt, may và giày, dép; khai thác than;... Sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh nhờ khai thác lợi thế về tài nguyên, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, sự hoạt động của các khu công nghiệp và khu kinh tế ven biển.

 **a)** Khu công nghệ cao Hòa Lạc thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

 **b)** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đẩy mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư.

 **c)** Lao động có trình độ, cơ sở hạ tầng hiện đại, cơ cấu ngành phát triển hiện đại giúp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thu hút đầu tư lớn.

 **d)** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giữ vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước chủ yếu do đóng góp lớn nhất trong cơ cấu GDP của cả nước.

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng kinh tế phát triển năng động, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế cả nước. Trong vùng có nhiều đô thị lớn, đồng thời cũng là các trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng và cả nước.

**a)** Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

**b)** Tài nguyên khoáng sản giàu có, đặc biệt là than đá.

**c)** Hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết phát triển khu vực phía nam và kết nối quốc tế.

**d)** Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vùng ưu tiên phát triển các doanh nghiệp trong nước để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

**Câu 8.** Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nằm ở vị trí chiến lược về giao lưu kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây. Vùng là cửa ngõ thông ra biển của vùng Tây Nguyên và một số nước (Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan).

 **a)** Tất cả các tỉnh của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đều giáp biển.

 **b)** Đường bờ biển dài, vùng biển rộng, giàu tiềm năng giúp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

 **c)** Nằm ở vị trí chuyển tiếp của nhiều vùng lãnh thổ là điều kiện thuận lợi cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

 **d)** Thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có vai trò lan tỏa kinh tế với các vùng lãnh thổ xung quanh.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**Một số chỉ số về phát triển kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung,**

**năm 2010 và 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **2010** | **2021** |
| Tỉ lệ GRDP so với cả nước *(%)* | 5,3 | 5,4 |
| GRDP/người *(triệu đồng)* | 22,7 | 68,1 |
| Tỉ lệ giá trị sản xuất công nghiệp so với cả nước *(%)* | 5,0 | 4,1 |
| Tỉ lệ trị giá xuất khẩu so với cả nước *(%)* | 2,5 | 2,6 |

**a)** Năm 2010 và 2021, GRDP của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung luôn chiếm tỉ lệ dưới 5% so với cả nước.

**b)** GRDP/người của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021 tăng và gấp 3 lần so với năm 2010.

**c)** So với năm 2010, tỉ lệ giá trị sản xuất công nghiệp năm 2021 của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung so với cả nước có xu hướng giảm.

**d)** So với năm 2010, tỉ lệ trị giá xuất khẩu năm 2021 của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung so với cả nước tăng thêm 2,6%.

**Câu 10.** Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có nguồn tài nguyên dầu khí với trữ lượng lớn, là thế mạnh nổi bật. Vùng có không gian biển thuận lợi cho xây dựng cảng nước sâu, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản, du lịch biển,... Các điều kiện về đất, khí hậu thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả nhiệt đới.

 **a)** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng có tiềm lực kinh tế lớn hàng đầu trong các vùng kinh tế trọng điểm.

 **b)** Công nghiệp khai thác dầu khí phát triển, thu hút được nhiều vốn đầu tư, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

 **c)** Phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam góp phần khai thác thế mạnh, sản xuất hàng hóa, tăng trưởng kinh tế.

 **d)** Kinh tế phát triển nhanh nên khó khăn chủ yếu cần giải quyết của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là thu hút thêm nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 11.** Cho thông tin sau:

 Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao, năng động, sáng tạo, thích ứng với nền kinh tế thị trường. Cơ sở hạ tầng phát triển hiện đại và ngày càng hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng với hệ thống quốc lộ, cao tốc, cảng hàng không (Tân Sơn Nhất, Long Thành - đang xây dựng, Côn Đảo), cảng sông, cảng biển (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu,...). Vùng có nhiều chính sách linh hoạt trong thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ,...

 **a)** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có lực lượng lao động nhập cư lớn.

 **b)** Lao động có trình độ, có cơ sở hạ tầng hiện đại, chính sách phù hợp giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước.

 **c)** Vùng tập trung vào sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử; công nghiệp chế biến chế tạo; kinh tế số; tài chính ngân hàng; bất động sản.

 **d)** Giải pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là chuyển đổi cơ cấu kinh tế, khuyến khích đầu tư trong nước và tập trung khai thác khoáng sản.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

**Một số chỉ số của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta, năm 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Vùng KTTĐ****Bắc Bộ** | **Vùng KTTĐ****miền Trung** | **Vùng KTTĐ phía Nam** | **Vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 15,7 | 28,0 | 30,6 | 16,6 |
| Số dân *(triệu người)* | 17,6 | 6,6 | 21,8 | 6,1 |
| GRDP theo giá hiện hành *(nghìn tỉ đồng)* | 2243,6 | 458,6 | 2 835,6 | 346,6 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê, 2022)*

**a)** GRDP theo giá hiện hành của cả vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thấp hơn vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**b)** Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long có GDP bình quân đầu người thấp nhất.

**c)** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có GRDP theo giá hiện hành rất cao do có tiềm lực phát triển kinh tế vượt trội so với các vùng kinh tế trọng điểm khác.

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện GRDP theo giá hiện hành của các vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 13.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, năm 2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nông nghiệp.****lâm nghiệp và thuỷ sản** | **Công nghiệp,****xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phầm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| 6,4 | 42,6 | 40,8 | 10,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

 **a)** Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tập trung chủ yếu vào công nghiệp và dịch vụ.

 **b)** Tỉ trọng khu vực dịch vụ cao nhất và gấp 6,4 lần khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

 **c)** Khu vực công nghiệp, xây dựng có tỉ trọng cao nhất và gấp gần 4,2 lần của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.

 **d)** Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021.

**Câu 14.** Cho thông tin sau:

 Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long thuộc hạ lưu của hệ thống sông Mê Công, thuận lợi cho việc phát triển lương thực, thực phẩm. Tài nguyên khoáng sản có dầu mỏ, khí tự nhiên ở vùng thềm lục địa; đá vôi ở khu vực Hà Tiên, Kiên Lương,.... Tài nguyên sinh vật biển phong phú, nhiều bãi tắm đẹp, nhiều đảo, thuận lợi cho phát triển nuôi trổng và khai thác thuỷ sản, du lịch.

 **a)** Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc hình thành vùng chuyên canh cây lương thực.

 **b)** Du lịch biển đảo đang là tiềm năng lớn của vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long đặc biệt ở Phú Quốc.

 **c)** Tài nguyên khoáng sản hạn chế nên việc phát triển công nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

 **d)** Là vùng có lịch sử khai thác muộn nên dân cư tập trung chưa nhiều, gây thiếu hụt nguồn lao động cho sản xuất, nhất là lao động có trình độ.

**Câu 15.** Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có đường bờ biển dài, vùng biển rộng lớn, nhiều đảo và quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa, nhiều vũng vịnh, đầm phá với tài nguyên biển phong phú tạo thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**a)** Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**b)** Quần đảo Hoàng Sa là một quần đảo gần bờ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**c)** Tài nguyên biển chính là điều kiện để phát triển kinh tế biển.

**d)** Hoạt động nuôi trồng thủy sản đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế vùng nông thôn ven biển miền Trung.

**Câu 16.** Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng kinh tế phát triển năng động, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các vùng xung quanh.

**a)** Đây là vùng có nền kinh tế phát triển hàng đầu và đóng góp lớn vào GDP của cả nước.

**b)** Vùng có Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng, đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết phát triển khu vực phía Nam và kết nối quốc tế.

**c)** Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vùng hạn chế thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài để bảo vệ môi trường.

**d)** Vùng có hoạt động thương mại sôi động, trị giá xuất khẩu của vùng tăng trưởng nhanh và luôn giữ vị trí cao so với các vùng kinh tế trọng điểm khác ở nước ta.

**Câu 17.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, năm 2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nông nghiệp.****lâm nghiệp và thuỷ sản** | **Công nghiệp,****xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phầm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| 6,4 | 42,6 | 40,8 | 10,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

**a)** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có cơ cấu kinh tế phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**b)** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng phát triển kinh tế chậm nhất trong 4 vùng kinh tế trọng điểm.

**c)** Công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất với cơ cấu ngành đa dạng, nhiều ngành công nghệ cao được chú trọng.

**d)** Vùng đang được xây dựng trở thành trung tâm kinh tế, đi đầu trong khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, ….do có nền kinh tế hiện đại, năng động nhất.

**III. TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Năm 2021, diện tích của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là 28 nghìn km2, số dân là 6,6 triệu người. Cho biết mật độ dân số của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021 là bao nhiêu người/km2?

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Một số chỉ số của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta, năm 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Vùng KTTĐ****Bắc Bộ** | **Vùng KTTĐ****miền Trung** | **Vùng KTTĐ phía Nam** | **Vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long** |
| GRDP theo giá hiện hành *(nghìn tỉ đồng)* | 2243,6 | 458,6 | 2 835,6 | 346,6 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021, NXB thống kê, 2022)*

Căn cứ bảng số liệu trên, cho biết GRDP theo giá hiện hành của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gấp bao nhiêu lần vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)*

**Câu 4.** Cho bàng số liệu:

**Diện tích và dân số các vùng kinh tế trọng điểm nước ta, năm 2021**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế trọng điểm** | **Bắc Bộ** | **Miền Trung** | **Phía Nam** | **Đồng bằng sông Cửu Long** | **Cả nước** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 15 | 28 | 30 | 16 | 331 |
| Dân số *(triệu người)* | 17,6 | 6,6 | 21,8 | 6,1 | 98,5 |

Tính tỉ trọng dân số của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021 so với tổng dân số cả nước *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 5.** Năm 2021 tổng số dân của cả nước là 98,5 triệu người, 4 vùng kinh tế trọng điểm chiếm 52,9% dân số cả nước. Cho biết tổng số dân của 4 vùng kinh tế trọng điểm năm 2021 là bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người)*

**Câu 7.** Năm 2021 quy mô GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là 2243,6 nghìn tỉ đồng, của cả nước là 8479,7 nghìn tỉ đồng. Tính tỉ trọng GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong tổng GDP cả nước. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 8.** Năm 2021 quy mô GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là 2835,6 nghìn tỉ đồng, của cả nước là 8479,7 nghìn tỉ đồng. Tính tỉ trọng GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong tổng GDP cả nước. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 9.** Cho bàng số liệu:

**Diện tích và dân số các vùng kinh tế trọng điểm nước ta, năm 2021**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế** **trọng điểm** | **Bắc Bộ** | **Miền Trung** | **Phía Nam** | **Đồng bằng sông Cửu Long** | **Cả nước** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 15 | 28 | 30 | 16 | 331 |
| Dân số *(triệu người)* | 17,6 | 6,6 | 21,8 | 6,1 | 98,5 |

Cho biết diện tích của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021 chiếm bao nhiêu % so với tổng diện tích cả nước *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 10.** Cho bảng số liệu:

**Một số tiêu chí của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ năm 2010 và 2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **2010** | **2023** |
| 1 | Tỉ lệ GRDP của vùng so với cả nước *(%)* | 23,7 | 26,5 |
| 2 | GRDP/người *(triệu đồng)* | 43,4 | 127,8 |
| 3 | Tỉ lệ giá trị sản xuất công nghiệp của vùng so với cả nước *(%)* | 26,1 | 32,9 |
| 4 | Tỉ lệ trị giá xuất khẩu của vùng so với cả nước *(%)* | 23,3 | 34,0 |

*(Nguồn: Tham khảo)*

Tỉ lệ trị giá xuất khẩu của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ so với cả nước tăng bao nhiêu % từ 2010 - 2023? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Câu 11.** Năm 2021 quy mô GDP của cả nước là 8479,7 nghìn tỉ đồng, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chiếm 5,4%. Giá trị GDP của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)*

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **GRDP****Tiêu chí** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản** | **Công nghiệp, xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| Cơ cấu GRDP *(%)* | 6,4 | 42,6 | **?** | 10,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

Tính tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021.*(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)*